

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ VẬN TẢI HOÀNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /CV-HS

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 04 năm 2026

V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo DTM của dự án “Khai thác, chế biến đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, (nay là xã Thái Sơn), tỉnh Tuyên Quang (Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất).”

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

Chúng tôi là Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Hoàng Sơn, chủ đầu tư dự án “Khai thác, chế biến đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, (nay là xã Thái Sơn) tỉnh Tuyên Quang (Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất)”.

Căn cứ Văn bản số 1753/SNNMT-CCBVM ngày 31/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và Biên bản họp hội đồng thẩm định kèm theo.

Chúng tôi xin gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được đóng quyển, chủ đầu tư ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục.
- Chính sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Xin trân trọng cảm ơn./..

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ VẬN TẢI HOÀNG SƠN**



**P. GIÁM ĐỐC
Trần Huy Dũng**

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 21/CV-HS ngày 05 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Hoàng Sơn)

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
I	Mở đầu		
1.1	Đề nghị bổ sung đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch quỹ đất huyện Hàm Yên cũ, bổ sung điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang	Đã bổ sung tại Mục 1.3.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.	4 – 5
1.2	Đề nghị chủ dự án rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực	Đã rà soát, cập nhật tại Mục 2.1. Căn cứ pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện DTM.	6 – 12
II	Chương I – Thông tin về dự án		
2.1	Mô tả cụ thể về hiện trạng hoạt động của cơ sở; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; sự kết nối giữa các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới làm cơ sở xác định các nội dung cần bổ sung đánh giá các tác động môi trường của dự án này.	Đã bổ sung tại Mục 1.1.5. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án và Mục 1.2.1. Các hạng mục công trình của dự án.	46 – 51; 55 – 64
2.2	Mô tả cụ thể về vị trí dự án, các đối tượng xung quanh có khả năng chịu tác động của dự án	Đã tiến hành mô tả vị trí của dự án tại Mục 1.1.4. Vị trí địa lý của dự án và từ đó mô tả các đối tượng xung quanh có khả năng chịu tác động tại Mục 1.1.6. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường	44 – 45; 51 – 52
2.3	Bổ sung hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập hồ sơ chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trồng rừng thay thế đối với diện tích 20,2 ha mở rộng quy mô, nâng công suất theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017; Điều 248 Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.	Đã bổ sung tại Mục 1.1.5c. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất.	48 – 49

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
2.4	Cụ thể hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án, làm rõ hiện trạng sử dụng và khi mở rộng quy mô; Có bao nhiêu hộ dân mất đất.	Đã làm rõ tại Mục 1.1.5c. <i>Hiện trạng quản lý, sử dụng đất.</i>	48 – 49
2.5	Bổ sung, đánh giá hiện trạng đối với diện tích đất mở rộng quy mô, nâng công suất như: Các hộ dân khu vực thực hiện dự án, các hộ dân thuộc đối tượng di dời chịu tác động trực tiếp của dự án, hiện trạng hạ tầng trong khu vực khai thác như: tác động hạ tầng giao thông, đường điện, đường vào khu sản xuất, hệ thống sông suối, ao, hồ, đường tự thủy, phân thủy...	Đã bổ sung tại Mục 1.1.5. <i>Hiện trạng khu vực thực hiện dự án.</i>	46 – 51
2.6	Nêu rõ việc kết nối giao thông từ điểm mỏ sang tuyến đường hiện có của địa phương	Đã bổ sung tại Mục 1.1.5.e. <i>Hiện trạng hệ thống giao thông</i>	50
2.7	Đề nghị mô tả bổ sung về hiện trạng các ao/hồ/suối xung quanh khu vực dự án, khoảng cách của mỏ đến các ao/hồ/suối.	Đã bổ sung tại Mục 1.1.5.h. <i>Hiện trạng hệ thống mặt nước.</i>	51
2.8	Làm rõ khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dự án đối với Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp với lưu lượng 19 m ³ /ngày đêm, trong giai đoạn mở rộng, nâng công suất khi đi vào hoạt động, trường hợp không đáp ứng nhu cầu sử dụng, đề xuất giải pháp thực hiện đảm bảo theo quy định.	Đã tính toán chi tiết nhu cầu sử dụng nước của dự án khi đi vào hoạt động của giai đoạn mở rộng, nâng công suất và đề xuất giải pháp cung cấp nước theo quy định tại Mục 1.3.2.4. <i>Nhu cầu sử dụng nước</i>	72 – 73
2.9	Bổ sung số lượng, quy mô công suất của trạm nghiền sàng	Đã bổ sung tại Mục 1.4.2. <i>Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ dự án.</i>	77 – 79
2.10	Cần làm rõ số lượng máy móc hiện có và số lượng máy móc bổ sung khi thực hiện mở rộng nâng công suất	Đã bổ sung tại Bảng 1.19. <i>Tổng hợp thiết bị của dự án.</i>	77 – 78
2.11	Rà soát lại vị trí, thông số kỹ thuật của bãi tập kết đất đá thải, lớp đất phủ và bổ sung các giải pháp đảm bảo an toàn cho bãi thải	Đã rà soát và nêu rõ vị trí, diện tích, trữ lượng của 02 Bãi thải tại Mục 1.2.1.3. <i>Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.</i> Đã bổ sung một số giải pháp đảm bảo an toàn cho bãi thải tại Mục 3.2.2.12. <i>Giảm thiểu tác động tại các bãi đổ thải</i>	63 – 63; 244 – 245

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
2.12	Làm rõ trình tự khai thác, số lượng khai trường khai thác như thế nào, tiếp tục khai thác ở khai trường khai thác cũ hay mở via khai thác ở vị trí mới	Đã làm rõ và trình bày tại <i>Mục 1.5.2. Phương án và trình tự khai thác.</i>	80 – 81
2.13	Cụ thể phương án khai thác, mở đường vận chuyên, xây dựng hố thu, thoát nước, khi xảy ra mưa lớn kéo dài	Đã trình bày phương án khai thác tại <i>Mục 1.5.2</i> và nêu phương án mở đường vận chuyên nội mỏ, xây dựng hố lắng, tuyến thu gom và thoát nước mưa tại <i>Mục 1.2.1. Các hạng mục công trình của dự án.</i>	62 – 63; 80 – 81
2.14	Rà soát, bổ sung trữ lượng khai thác (Theo thiết kế); Khối lượng khoáng sản thu hồi được từ quá trình đầu tư xây dựng cơ bản mỏ.	Đã rà soát tại <i>Mục 1.1.7.b. Loại hình, quy mô, công suất của dự án, Bảng 1.8. Trữ lượng của mỏ đá Thành Công và Bảng 1.3. Tổng hợp khối lượng đã khai thác đến T6/2025.</i>	46; 53 – 54
III	Chương II – Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án		
3.1	Bổ sung, thống kê cụ thể số liệu quan trắc môi trường định kỳ hằng năm làm cơ sở đánh giá chất lượng môi trường trong quá trình hoạt động tại mỏ hiện hữu.	Đã bổ sung, thống kê số liệu quan trắc định kỳ của dự án tại <i>Mục 2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường</i>	114 – 120
3.2	Rà soát, bổ sung, cập nhật số liệu khí hậu, khí tượng mới nhất của khu vực dự án và bổ sung các chứng từ liên quan đến việc khai thác, sử dụng số liệu về khí tượng thủy văn theo quy định.	Đã bổ sung số liệu tại <i>Mục 2.1.3. Điều kiện khí hậu, khí tượng.</i> Các chứng từ liên quan được bổ sung trong Phụ lục I đính kèm Báo cáo	105 – 108
3.3	Đề nghị xem xét lại việc mô tả về Công ty CP bê tông Thành Vinh	Đã chỉnh sửa	126
IV	Chương III – Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường		
4.1	Đề nghị chủ dự án làm rõ các nội dung dự báo tác động của dự án; đồng thời hoàn thiện các biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường bảo đảm đầy đủ, khả thi và phù hợp với quy định hiện hành.	Đã rà soát đánh giá các tác động và đưa ra các công trình, biện pháp giảm thiểu, xử lý các tác động đó tại Chương 3 của Báo cáo. Từ đó đưa ra chương trình giám sát môi trường tại <i>Mục 5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của dự án.</i>	127 – 257; 298
4.2	Thống kê các loại đất, số hộ dân mất đất trong tổng diện tích 19,7 ha, diện tích chiếm dụng của dự án.	Đã thống kê tại <i>Mục 3.1.1.5. Đánh giá tác động của hoạt động GPMB</i>	157 – 158

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
4.3	Rà soát, đánh giá tác động do hoạt động GPMB cho phù hợp, chỉ đánh giá các tác động liên quan đến diện tích mở rộng do diện tích mỏ đang khai thác đã hoàn thành công tác GPMB	Đã rà soát và đánh giá các tác động do hoạt động GPMB tại <i>Mục 3.1.1.5. Đánh giá tác động của hoạt động GPMB</i>	157 – 158
4.4	Đề nghị bổ sung đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn đã thực hiện dự án, trong đó cần đánh giá về hiện trạng xây dựng, môi trường và các nội dung khác liên quan.	Đã bổ sung đánh giá các tác động trong giai đoạn dự án đang hoạt động tại <i>Mục 3.1.1.</i> Đã bổ sung hiện trạng và mô tả các hạng mục của dự án tại <i>Mục 1.1.5. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án</i> và <i>Mục 1.2.1. Các hạng mục công trình của dự án.</i>	46 – 51; 55 – 64; 127 - 168
4.5	Đánh giá, làm rõ khối lượng thực bì hàng năm dự án thu gom, xử lý, phương án xử lý cụ thể	Đã tính toán khối lượng chất thải sinh khối phát sinh tại <i>Mục 3.2.1.3.a. Chất thải sinh khối từ hoạt động phát quang thảm thực vật</i> và đưa ra phương án thu gom xử lý tại <i>Mục 3.2.2.3.a.</i>	203 – 205; 235
4.6	Tính toán, xác định rõ khối lượng đất đá phải đổ thải, lưu chứa để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ	Đã tiến hành đánh giá tại <i>Mục 3.2.1.3. Đánh giá dự báo tác động do chất thải rắn</i> và đưa ra biện pháp thu gom, xử lý tại <i>Mục 3.2.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn.</i>	206 – 207; 235 – 236
4.7	Tính toán tác động do bụi phát sinh từ hoạt động khai thác, từ đó đánh giá xác định lại phạm vi, mức độ tác động cho phù hợp. Đề xuất biện pháp giảm thiểu bụi chính cho hoạt động xúc bốc, vận chuyển là sử dụng xe tưới nước (tưới giảm bụi tần suất 2-4 lần/ngày sẽ không khả thi do không có tính chủ động; cần bổ sung thêm các biện pháp duy trì thường xuyên như lắp dàn phun nước tự động, che chắn, rửa xe trước khi xe vận chuyển đá ra khỏi dự án	Đã rà soát và tính toán lại tại <i>Mục 3.2.1.1. Đánh giá dự báo tác động đến môi trường không khí giai đoạn hoạt động ổn định khi mở rộng, nâng công suất.</i> Chủ đầu tư sẽ triển khai tưới đường từ 2 - 4 lần/ngày (tăng cường vào những giờ nắng nóng, khô hanh hoặc khi mật độ xe cao) trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ và tuyến đường bê tông liên thôn đi từ dự án ra QL2 đồng thời bố trí 01 Trạm rửa xe thủ công tại khu vực phụ trợ ngoài mỏ trước Trạm cân để vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi dự án và yêu cầu các xe vận chuyển cần che chắn, phủ bạt, chở đúng tải trọng.	189 – 201; 228
4.8	Đánh giá chi tiết đối với các tác động của bụi, tiếng ồn và độ rung; đồng thời bổ sung đánh giá về ảnh hưởng lâu dài đến địa hình và cảnh quan khu vực trong quá trình triển khai và vận hành dự án.	Đã tiến hành đánh giá tại <i>Mục 3.2.1.1. Đánh giá dự báo tác động đến môi trường không khí giai đoạn hoạt động ổn định khi mở rộng, nâng công suất.</i>	180 – 201; 210 – 216; 218 – 219

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
4.9	Tính toán tác động do bụi phát sinh từ hoạt động bốc xúc, vận chuyển, từ đó đánh giá xác định lại phạm vi, mức độ tác động cho phù hợp.	Đã rà soát và tính toán lại dựa trên khối lượng đất đá nở ròi tại Mục 3.2.1.1.c và Mục 3.2.1.1.d.	193 – 195
4.10	Bổ sung, đánh giá, dự báo mức độ, phạm vi bị tác động do hoạt động của trạm nghiền sàng	Đã bổ sung dự báo tác động của hoạt động của Trạm nghiền tại Mục 3.2.1.1.e.	196
4.11	Thống nhất số liệu các loại xe ô tô phục vụ vận chuyển trong mỏ	Đã rà soát và thống nhất ô tô phục vụ vận chuyển trong mỏ là ô tô 30 tấn.	-
4.12	Rà soát lại lượng chất thải sinh hoạt phát sinh so với số lượng công nhân sinh hoạt và hoạt động phát sinh chất thải nguy hại tại dự án.	Đã tiến hành tính toán lại khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày của công nhân tại Mục 3.2.1.3.b. Đã rà soát khối lượng CTNH phát sinh của dự án tại Mục 3.2.1.3.d.	205 – 206; 208 – 209
4.13	Đề nghị bổ sung thuyết minh đánh giá các tác động, ảnh hưởng trong quá trình khai thác, sử dụng, đưa ra các giải pháp sửa chữa các hư hỏng (nếu có) trong quá trình khai thác, vận chuyển vật liệu sau khai thác đến các tuyến đường giao thông trong khu vực lân cận, đặc biệt là các tuyến đường giao thông nông thôn, tuyến đường xã kết nối với tuyến QL.2	Đã tiến hành đánh giá các tác động ảnh hưởng đến giao thông tại Mục Mục 3.1.1.11, Mục 3.2.1.9. Từ đó đưa ra các biện pháp giảm thiểu các tác động đó tại Mục 3.1.2.12, Mục 3.2.2.9.	163; 185; 219 – 220; 242 – 243
4.14	Đánh giá cụ thể tác động đến hạ tầng giao thông khu vực, ảnh hưởng bụi, tiếng ồn.	Đã tiến hành đánh giá ảnh hưởng của bụi đến khu dân cư tại Mục 3.2.1.1.d. và đưa ra biện pháp giảm thiểu tại Mục 3.1.2.4.a và Mục 3.2.2.1.d. Đã đánh giá tác động đến hạ tầng giao thông tại Mục 3.1.1.11; 3.2.1.9 và đưa ra biện pháp giảm thiểu tại Mục 3.1.2.12, Mục 3.2.2.9.	163; 185; 173 – 174; 194 – 195; 219 – 220; 242 – 243
4.15	Bổ sung đánh giá ảnh hưởng tới các hộ dân, công trình kiến trúc xung quanh do đá văng, trần động do va đập khi nổ mìn	Đã tiến hành tính toán khoảng cách an toàn khi nổ mìn tại mục 3.2.1.4.c và đánh giá các tác động ảnh hưởng đến khu dân cư, công trình kiến trúc tại Mục 3.2.1.10; Mục 3.1.1.12.	163 – 164; 216; 220
4.16	Bổ sung sự cố sạt lở, ứng phó sự cố tràn dầu tại kho chứa chất thải nguy hại	Đã bổ sung đánh giá sự cố sạt lở tại Mục 3.2.1.12.b và đưa ra biện pháp tại Mục 3.2.2.13.b. Đã bổ sung sự cố tràn dầu tại Mục 3.2.1.12.i. và đưa ra biện pháp tại Mục 3.2.2.13.i.	221 – 226; 226; 251 245 – 246;

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
4.17	Bố trí trạm rửa xe tại vị trí công ra vào để xịt rửa, vệ sinh các xe trước khi ra khỏi khu vực khai thác đảm bảo vệ sinh môi trường	Chủ đầu tư sẽ tiến hành bố trí 01 Trạm rửa xe thủ công tại khu vực phụ trợ ngoài mỏ trước Trạm cân để vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi dự án.	64
4.18	Bố trí tần suất tưới nước tại tuyến đường vận chuyển cho phù hợp với điều kiện thời tiết, trong những ngày nắng nóng, hanh khô và ngày mưa, cụ thể số lần tưới nước/ngày nhằm giảm lượng phát tán bụi ra môi trường xung quanh.	Chủ đầu tư sẽ triển khai tưới đường từ 2 - 4 lần/ngày (tăng cường vào những giờ nắng nóng, khô hanh hoặc khi mật độ xe cao) trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ và tuyến đường bê tông liên thôn đi từ dự án ra QL2.	228
4.19	Bổ sung Thuyết minh công tác bảo trì (sửa chữa các hư hỏng nền, mặt đường, rãnh thoát nước...) các tuyến đường giao thông lân cận, lưu ý các tuyến đường nội bộ phải có giải pháp khắc phục sạt trượt, sỏi trôi do mưa bão trong quá trình khai thác và vận chuyển.	Đã bổ sung biện pháp thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa đường giao thông tại Mục 3.2.2.9. <i>Biện pháp giảm thiểu tác động lên giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển.</i>	242 – 243
4.20	Rà soát tính khả thi đối với công trình, biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn trong quá trình thực hiện dự án trong trường hợp xảy ra mưa lớn cục bộ trên toàn bộ diện tích khai thác của dự án.	Đã rà soát tại Mục 3.2.2.2.a. <i>Nước mưa chảy tràn</i>	230 – 231
4.21	Bổ sung hướng tiêu thoát nước khu vực dự án, vị trí các điểm xả nước thải ra môi trường	Đã bổ sung hướng tiêu thoát nước mặt, tọa độ các điểm thoát nước ra khỏi dự án tại Mục 3.2.2.2.a	230 – 231
4.22	Bổ sung giải pháp cải tạo công trình xử lý nước thải để đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.	Chủ đầu tư sẽ giữ nguyên bể tự hoại 3 ngăn 38m ³ hiện hữu và xây dựng bổ sung bể khử trùng nhằm mục tiêu tối ưu hóa hạ tầng kỹ thuật và nâng cao hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (Cột C) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.	231 – 234
4.23	Đề nghị, xem xét đưa vào báo cáo cụ thể việc bố trí nhân sự thu dọn vệ sinh, tuyến đường liên thôn, tần suất dọn để chính quyền địa phương và người dân theo dõi giám sát.	Chủ đầu tư đã thỏa thuận và thuê người dân trong thôn Thành Công 1 (Trưởng thôn) hàng ngày tiến hành quét dọn, thu gom đất đá bị rơi vãi và đổ bỏ tại vị trí quy định.	235 – 236
4.24	Bổ sung biện pháp đảm bảo an toàn trong bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, xử lý vật liệu nổ hết hạn sử dụng hoặc kém chất lượng	Đã bổ sung tác động tại Mục 3.2.1.12.g. và đưa ra biện pháp tại Mục 3.2.2.13.g. <i>Sự cố từ kho thuốc nổ;</i>	224 – 225; 249 – 250

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
4.25	Bổ sung việc lập Kế hoạch quản lý rủi ro của mỏ theo thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương. Thực hiện việc huấn luyện, quản lý huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng theo quy định tại thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản.	Đã bổ sung	237; 247
4.26	Bổ sung kế hoạch theo dõi lún, nứt, sạt lở mỏ, mái taluy trong quá trình khai thác. Đánh giá độ dốc mỏ, nguy cơ sạt lở đá, và các biện pháp bảo vệ khu vực lân cận, đặc biệt là vào mùa mưa.	Đã đánh giá tác động tại Mục 3.2.1.12.b và đưa ra biện pháp giảm thiểu tại mục 3.2.2.13.b.	221 – 222; 245 – 246
4.27	Đề nghị chủ đầu tư tiếp thu, làm rõ các nội dung kiến nghị tại biên bản tham vấn các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án làm cơ sở đánh giá mức độ đồng thuận của cộng đồng dân cư khu vực dự án về nguy cơ ô nhiễm, tiếng ồn, ảnh hưởng của việc vận chuyển vật liệu đến kết cấu hạ tầng và an toàn giao thông, đời sống nhân dân tại địa phương	<p>Chủ đầu tư hoàn toàn tiếp thu các ý kiến đóng góp của người dân và chính quyền địa phương tại biên bản tham vấn ngày 12/02/2026.</p> <p>Từ đó đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động trong báo cáo.</p> <p>Đại đa số cộng đồng dân cư thống nhất về mặt chủ trương triển khai dự án. Tuy nhiên, các lo ngại về môi trường là hoàn toàn chính đáng. Chủ dự án cam kết thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu để duy trì sự đồng thuận này trong suốt quá trình thi công.</p>	300 – 305
V	Chương VI – Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học		
5.1	Đề nghị lựa chọn theo Phương án cải tạo, phục hồi theo khu vực khai thác, khai thác đến đâu thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đó, tránh để hoang hóa hoặc gây sạt lở, ô nhiễm môi trường lâu dài	Dựa trên phương án khai thác và quy hoạch phát triển tại khu vực. Chủ đầu tư đã lựa chọn phương án “Phục hồi cảnh quan, tạo hệ sinh thái và môi trường” tại Mục 4.1. <i>Lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường.</i>	263 – 273
5.2	Đề nghị xem xét lại diện tích thực hiện phương án cải tạo môi trường, số lượng cây trồng, đơn giá trồng rừng thay thế để làm cơ sở xác định tiền ký quỹ.	<p>Đã xem xét và thống kê diện tích thực hiện cải tạo môi trường và từ đó tính toán số lượng cây trồng chi tiết tại Mục 4.2.1. <i>Khối lượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.</i></p> <p>Đồng thời áp dụng đơn giá trồng rừng thay thế tại khoản 2, Điều 1 Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang.</p>	266 – 267; 273 – 276

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
5.3	Tính toán lại số cây trồng trên toàn bộ diện tích đất của dự án, lựa chọn loại cây trồng phù hợp với đất đai, khí hậu khu vực dự án để trồng.	Đã lựa chọn trồng cây Lát hóa và tính toán lại số cây trồng trên toàn bộ diện tích của dự án theo Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng cho 20 loài cây trồng lâm nghiệp chính tại Quyết định số 404/QĐ-LN-PTR ngày 31/12/2024 của Cục Lâm nghiệp tại Mục 4.2.1. Khối lượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.	275
5.4	Đề nghị thể hiện rõ thời gian hoàn thành các hạng mục, khối lượng cải tạo phục hồi	Đã bổ sung tại Bảng 4.5. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.	281 – 282
5.5	Tính toán, xác định rõ khối lượng đất màu cần thiết cho cải tạo mặt bằng trước khi trồng cây làm cơ sở tính toán dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường cho đầy đủ	Đã tính toán khối lượng đất cần thiết cho cải tạo mặt bằng tại Mục 4.2.1. Khối lượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và tính toán dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường tại Bảng 4.6.	273 – 276; 286 – 288
5.6	Tại bảng khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường đề nghị rà soát bổ sung khối lượng hạng mục vận chuyển đất đá phủ từ bãi thải về moong khai trường để san gạt trồng cây;	Đã chỉnh sửa, bổ sung tại Bảng 4.3. Tổng hợp khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường	276
5.7	Tại khu vực phụ trợ tính toán lại khối lượng san lấp hố lắng báo cáo tính khối lượng san lấp hố lắng là 464 m ³ trong khi dự án có 02 hố lắng có dung tích 550 m ³ .	Sau khi kết thúc hoạt động khai thác, nhằm đảm bảo hiệu quả tiêu thoát nước và phòng chống ngập úng cho khu vực, Chủ đầu tư chủ trương không tiến hành san lấp hệ thống thoát nước mưa và hố lắng hiện hữu. Thay vào đó, toàn bộ mạng lưới rãnh thoát nước mưa và các hố lắng sẽ được giữ nguyên trạng để chuyển đổi công năng thành hệ thống tiêu thoát nước mưa và hồ điều hòa phục vụ giai đoạn hậu khai thác.	-
VI	Chương VI – Chương trình quản lý và giám sát môi trường		
6.1	Bổ sung giám sát sự cố hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông trong quá trình triển khai thi công và vận hành dự án.	Đã bổ sung tại Mục 5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của dự án	298
6.2.	Bổ sung giám sát đối với lưu giữ, bảo quản thuốc nổ và giám sát nổ mìn.	Đã bổ sung tại Mục 5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của dự án	298
VII	Kết luận, nghị và cam kết		

TT	Yêu cầu	Nội dung giải trình – chỉnh sửa	Trang
7.1	Bổ sung Cam kết bồi thường nếu có thiệt hại đến công trình xây dựng do ảnh hưởng trong quá trình khai thác, vận chuyển.	Đã bổ sung	308
7.2	Bổ sung Cam kết sử dụng xe vận chuyển đúng tải trọng thiết kế khi vận chuyển vật liệu ra khỏi khu vực khai thác, quá trình vận chuyển phải đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.	Đã bổ sung	308
VIII	Các nội dung khác		
8.1	Đề nghị chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát chỉnh sửa lại bố cục nội dung của Báo cáo theo đúng hướng dẫn quy định tại Mẫu số 04, ban hành kèm theo Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Đã tiến hành rà soát và chỉnh sửa bố cục theo đúng hướng dẫn tại Mẫu số 04, ban hành kèm theo Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	-
8.2	Rà soát, chỉnh sửa tên dự án theo đúng tên trong Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.	Đã rà soát và chỉnh sửa tên dự án “Khai thác, chế biến đá granite và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên (nay là xã Thái Sơn), tỉnh Tuyên Quang. (Dự án mở rộng, nâng công suất)”.	-
8.3	Đề nghị ghi tên hạng mục tại Bảng Quy mô sử dụng đất theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	Đã chỉnh sửa tên các hạng mục trong <i>Bảng 1.7. Quy mô sử dụng đất của mỏ đá Thành Công.</i> + <i>Diện tích khai thác mỏ và công trình phụ trợ nội bộ: 48,7 ha;</i> + <i>Diện tích công trình phụ trợ ngoài diện tích khai thác mỏ: 0,5 ha”</i>	53
8.4	Bổ sung bản đồ hiện trạng mỏ (trong đó thể hiện các hạng mục công trình phụ trợ, đường giao thông kết nối...)	Đã bổ sung	Phụ lục III
8.5	Bổ sung bản đồ tổng mặt bằng mỏ bao gồm cả khu vực khai thác và khu vực phụ trợ thể hiện được đầy đủ vị trí các hạng mục công trình của dự án	Đã bổ sung	Phụ lục III
8.6	Bổ sung các bản vẽ công trình bảo vệ môi trường như rãnh thoát nước, kho chứa chất thải nguy hại, hồ lắng, hệ thống phun sương khu vực nghiền sàng...	Đã bổ sung	Phụ lục III
8.7	Đề nghị chủ đầu tư rà soát, bổ sung các điểm góc tọa độ trên các bản vẽ (sơ đồ tổng mặt bằng mỏ....)	Đã bổ sung	Phụ lục III